CHỐT R (HAIR COTTER PIN DIN 11024)

Vật liệu	Xử lý bề mặt
Thép	Mạ kẽm

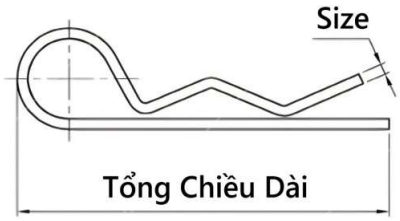

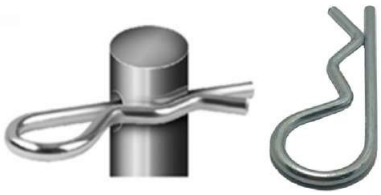

Đơn vị: mm

Đường Kính Trục (mm)	Mã hàng	Size (mm)	Tổng Chiều Dài (mm)	Vật Liệu
4.7 - 6.3	P06D012021A2	1.2	21	Thép Mạ Kẽm
6.3 - 7.9	P06D016027A2	1.6	27	
6.3 - 9.5	P06D018031A2	1.8	31	
7.9 - 9.5	P06D018036A2	1.8	36	
9.5 - 12.7	P06D020040A2	2	40	
9.5 - 14	P06D025050A2	2.5	50	
10 - 16	P06D030060A2	3	60	
16 - 25	P06D035075A2	3.5	75	
18 - 28	P06D040075A2	4	75	
22 - 30	P06D050100A2	5	100	

CHỐT CHẺ - CHỐT BI

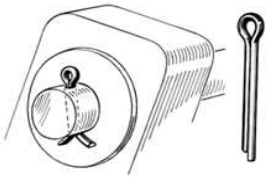

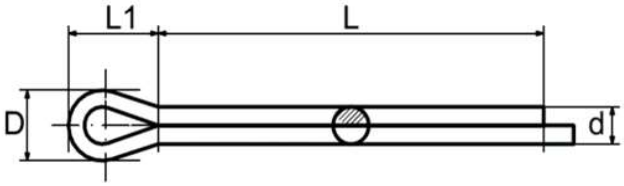

Đơn vị: mm

Tạo mã hàng	Mã	Ký hiệu	Chiều dài 4/120 mm	Vật liệu	Ví dụ
	P03	D025	040/120	AA7: Thép mạ kẽm vàng AE0: Inox 304	P03D0301040AA7: Chốt bi thép mạ kẽm D3x40

Ký hiệu	Kích thước danh nghĩa	d		L1	D	Chiều dài (L)
		Min	Max			
D010	1	0.8	0.9	3	1.6	20-30
D015	1.5	1.3	1.4	3.2	S	20-30
D020	2	1.7	1.8	4	3.2	20-30
D025	2.5	2.1	2.3	5	4	30-40
D030	3	2.7	2.9	6.4	5	30-40-50
D040	4	3.5	3.7	8	7	30-40-50-60-70
D050	5	4.4	4.6	10	8	40-50-60-70-80-100
D060	6	5.7	5.9	12.6	10.3	50-60-70-80-100
D080	8	7.3	7.5	16	13.1	60-70-80-100-120
D100	10	9.3	9.5	20	16.6	80-100-120